

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ái Mỹ**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Minh Trí**.

2. Bà **Lâm Thị Tám**.

Thư ký phiên toà: Bà **Lý Bích Khiêm** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Mã Quế Khanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Tố Q**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 85/23, ấp Chợ C, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh ST.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên:* Cháu **Nguyễn Ngọc G**, sinh ngày 02/11/2008 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 205/48, ấp Chợ C, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21/4/2017, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Tố Q trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên vào năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, nên khoảng tháng 11 năm 2016 bà Q về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ thời gian này vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay. Bà Q xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, bà không còn tình

cảm với ông T, giữa bà và ông T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 hiện nay đang sống với ông Triều. Bà Q đồng ý giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà Q kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên vào năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được 09 năm, nhưng thường xuyên bất đồng quan điểm. Đến tháng 11 năm 2016 thì bà Q bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nên ông và bà Q không còn sống chung với nhau kể từ tháng 11 năm 2016 đến nay.

Nay bà Huỳnh Thị Tố Q yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 hiện nay đang sống với ông T. Ông T đồng ý tiếp tục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại tờ tường trình ngày 16/6/2017, con chung từ đủ 07 tuổi trở lên là cháu Nguyễn Ngọc G trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn T và con chung từ 07 tuổi trở lên là cháu Nguyễn Ngọc G đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T và cháu G vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và con chung Nguyễn Ngọc G.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Tố Q; Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Tố Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con tên

Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 theo quy định của pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu, mức lương tối thiểu thời điểm hiện tại là 1.300.000đ/tháng x $\frac{1}{2}$ = 650.000đ, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Văn T và con chung từ 07 tuổi trở lên là cháu Nguyễn Ngọc G đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông T và con chung Nguyễn Ngọc G vẫn vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T và con chung Nguyễn Ngọc G.

Về nội dung: Việc kiện của bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Tố Q vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T, vì bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T, kể từ tháng 11 năm 2016 đến nay bà và ông T không còn chung sống với nhau, giữa bà và ông T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Tố Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T có một người con tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008, hiện nay con chung đang sống với ông T. Bà Q đồng ý giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2017 (BL 22) ông T đồng ý nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Ngọc G có nguyện vọng theo cha. Xét thấy nguyện vọng của cháu G là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 cho ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Huỳnh Thị Tố Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con của bà Huỳnh Thị Tố Q theo quy định là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu, mức lương tối thiểu thời điểm hiện tại là 1.300.000đ/tháng x $\frac{1}{2}$ = 650.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Tố Q và ông Nguyễn Văn T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tố Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm 1 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tố Q được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 đến tuổi trưởng thành.

Bà Huỳnh Thị Tố Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Tố Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 số tiền là 650.000 đồng/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/11/2008 đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tố Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí

bà Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005227 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà Q phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ái Mỹ

